

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Toán
Học sinh thuộc thành phố Đà Nẵng

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
										Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Toán Hệ số 3 (8)		
1	0159	HỒ SỸ	TOÀN	02/02/2006	Đà Nẵng	THCS Lương Thế Vinh	Giải 1	Toán	9,70	8,00	9,75	9,75	7,00	48,50	
2	0197	ĐẶNG THỊ NGỌC	YẾN	17/02/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Phú Hường	Giải 1	Toán	9,99	8,50	10,00	8,50	6,25	45,75	
3	0182	PHAN THANH	TÙNG	05/06/2006	Đà Nẵng	THCS Lương Thế Vinh	Giải 1	Toán	9,30	7,50	10,00	9,00	6,25	45,25	
4	0125	TRẦN THIÊN	PHÚC	26/12/2006	Quảng Ngãi	THCS Ngô Thì Nhậm	Giải 1	Toán	9,80	7,50	9,25	10,00	5,75	44,00	
5	0044	NGUYỄN KHẢI	HOÀN	26/06/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 2	Toán	9,99	7,75	9,00	8,25	5,75	42,25	
6	0070	TRẦN BẢO	LÂM	19/04/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Độ	Giải 1	Toán	9,80	8,00	9,75	9,50	5,00	42,25	
7	0178	TRẦN CẢNH ANH	TUẤN	11/02/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Giải 1	Toán	9,70	8,00	9,25	8,50	5,00	40,75	
8	0154	LÊ AN	THY	19/09/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Toán	9,90	5,00	9,50	10,00	5,25	40,25	
9	0017	NGUYỄN THÀNH	BẢO	01/01/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Độ	Giải 2	Toán	9,70	7,50	9,63	9,25	4,50	39,88	
10	0163	TRẦN ĐÌNH	TOAI	04/08/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Lợi	Giải 1	Toán	9,70	7,75	9,88	9,50	4,25	39,88	
11	0061	VÕ TUẤN	KHANH	19/11/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 3	Toán	9,60	7,75	9,50	9,00	4,50	39,75	
12	0080	PHAN VŨ	LONG	01/09/2006	Quảng Bình	THCS Lý Tự Trọng	Giải 1	Toán	9,50	6,75	8,63	9,75	4,75	39,38	
13	0022	NGUYỄN THỊ THANH	CHÂU	01/12/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 1	Toán	9,99	7,75	9,63	9,75	4,00	39,13	
14	0184	HUỲNH THẢO TƯỜNG	VÂN	11/03/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 2	Toán	9,90	8,50	9,75	8,50	4,00	38,75	
15	0085	DƯƠNG TRẦN TRÍ	MINH	11/04/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Văn Linh (CL)	Giải 2	Toán	9,70	7,75	9,75	9,25	3,75	38,00	
16	0033	LÊ TRÍ	ĐỨC	01/01/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 1	Toán	9,70	7,50	8,50	9,00	4,25	37,75	
17	0059	LÊ KHÁNH	HUNG	08/07/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Lương Bằng	Giải KK	Toán	9,10	7,25	9,75	8,00	4,25	37,75	
18	0041	VŨ HOÀNG	HẢI	21/02/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Giải 2	Toán	9,70	7,50	10,00	9,00	3,75	37,75	
19	0052	NGUYỄN TỔNG THANH	HUY	28/04/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Thái Bình	Giải 2	Toán	9,40	7,50	8,88	8,50	4,00	36,88	
20	0158	ĐÀO NHẬT	TOÀN	26/02/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Độ	Giải 2	Toán	9,40	7,75	8,75	9,00	3,75	36,75	
21	0091	TRẦN ĐỖ LY	NA	27/05/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Phú Hường	Giải 1	Toán	9,90	7,50	10,00	10,00	3,00	36,50	
22	0039	NGUYỄN CẢNH ĐỨC	HẢI	03/04/2006	Đà Nẵng	THCS Trần Quốc Tuấn	Giải 1	Toán	9,80	7,50	8,75	8,75	3,75	36,25	
23	0109	TRẦN TÂN	NHẬT	03/04/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 2	Toán	9,50	7,50	9,75	9,00	3,25	36,00	
24	0096	PHAN NGUYỄN BẢO	NGOC	15/02/2006	Đà Nẵng	THCS Hoàng Diệu	Giải KK	Toán	9,90	7,75	9,50	8,75	3,25	35,75	
25	0104	NGUYỄN ĐĂNG	NHÂN	06/10/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Thái Bình	Giải 1	Toán	9,99	7,25	9,88	9,25	3,00	35,38	
26	0013	PHẠM PHƯỚC	BÁCH	06/02/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 2	Toán	9,40	6,25	9,88	8,50	3,50	35,13	
27	0025	VŨ MẠNH	CUÔNG	24/03/2006	Nam Định	THCS Nguyễn Lương Bằng	Giải 1	Toán	9,80	7,00	9,25	8,25	3,50	35,00	
28	0140	TRỊNH ĐỨC	TÂM	15/11/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Lương Bằng	Giải 3	Toán	9,60	7,25	8,38	9,25	3,25	34,63	
29	0168	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	09/05/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giải 3	Toán	9,30	8,00	9,75	8,25	2,75	34,25	
30	0020	TRẦN THỊ NGỌC	BÍCH	21/02/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Độ	Giải 1	Toán	9,50	8,25	9,63	8,00	2,75	34,13	
31	0153	VÕ NGỌC HỒNG	THỦY	05/03/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải 1	Toán	9,90	9,00	9,63	8,00	2,50	34,13	
32	0003	NGUYỄN XUÂN	AN	02/04/2006	Huế	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Toán	8,40	6,75	8,75	8,75	3,25	34,00	
33	0132	NGUYỄN VĂN	QUỐC	23/10/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải 1	Toán	9,90	8,00	9,50	9,00	2,50	34,00	
34	0142	DƯƠNG THẾ LỘC	THÀNH	04/03/2006	Đà Nẵng	THCS Chu Văn An	Giải 1	Toán	9,10	6,75	9,50	7,75	3,25	33,75	
35	0084	PHẠM ĐỨC	MÃN	23/09/2006	Quảng Nam	THCS Nguyễn Văn Linh (CL)	Giải 2	Toán	9,80	8,00	9,63	7,75	2,75	33,63	
36	0116	TRẦN THỊ HOÀI	NHƯ	23/08/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Thị Hồng Gấm	Giải 3	Toán	9,60	5,75	9,00	9,00	3,25	33,50	

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
										Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Toán Hệ số 3 (8)		
37	0189	NGUYỄN PHÚC	VĨNH	27/11/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Hồng Phong	Giải 2	Toán	9,40	6,50	9,63	8,25	3,00	33,38	
38	0067	PHÙNG HỮU	KHOA	17/09/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 3	Toán	9,70	7,50	9,13	8,50	2,75	33,38	
39	0098	NGUYỄN ĐĂNG	NGUYỄN	01/08/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng			9,20	5,00	9,75	9,50	3,00	33,25	
40	0190	NGUYỄN VĂN	VŨ	07/06/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Phú Hường	Giải 1	Toán	9,70	7,25	9,63	8,00	2,75	33,13	
41	0144	VÕ NGUYỄN THANH	THẢO	16/11/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 2	Toán	9,60	7,25	7,50	7,75	3,50	33,00	
42	0136	ĐẶNG HOÀNG	SA	25/01/2006	Quảng Nam	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Toán	9,10	6,00	9,38	8,50	3,00	32,88	
43	0062	HỒ VIỆT ĐẠI	KHÁNH	13/01/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Lương Bằng	Giải 2	Toán	9,60	7,50	9,38	7,75	2,75	32,88	
44	0073	HỒ LƯU KHÁNH	LINH	20/01/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Thường Kiệt	Giải KK	Toán	8,80	8,00	9,88	7,50	2,50	32,88	
45	0145	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	02/08/2006	Quảng Nam	THCS Nguyễn Hồng ánh			9,40	7,50	10,00	7,75	2,50	32,75	
46	0045	NGUYỄN HUY	HOÀNG	27/05/2006	Quảng Nam	THCS Lương Thế Vinh			9,10	7,50	7,50	8,50	3,00	32,50	
47	0011	ĐẶNG THANH	BÁCH	06/06/2006	Đà Nẵng	THCS Lương Thế Vinh	Giải 2	Toán	9,60	7,75	9,25	8,00	2,50	32,50	
48	0076	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	13/06/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Giải 3	Toán	9,80	7,75	9,50	8,50	2,25	32,50	
49	0111	PHẠM TUYẾT	NHI	24/01/2006	Đà Nẵng	THCS Phan Đình Phùng	Giải 3	Toán	9,80	7,50	10,00	8,25	2,25	32,50	
50	0023	NGUYỄN VĂN BẢO	CHÂU	06/07/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải KK	Toán	9,30	6,00	9,50	9,25	2,50	32,25	
51	0115	NGUYỄN HOÀNG TỐ	NHƯ	18/03/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Trãi	Giải 3	Toán	8,80	7,25	9,63	7,75	2,50	32,13	
52	0058	ĐẶNG GIA	HUNG	21/05/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải 1	Toán	9,70	6,50	9,50	8,50	2,50	32,00	
53	0068	VÕ ĐỨC	KHÔI	09/01/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Toán	9,70	6,50	9,75	8,25	2,50	32,00	
54	0105	NGUYỄN TẤN TRỌNG	NHÂN	07/07/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Lương Bằng	Giải 3	Toán	9,50	7,25	9,88	8,00	2,25	31,88	
55	0138	TRẦN NGUYỄN	SANG	17/05/2006	Đà Nẵng	THCS Ngô Thì Nhậm	Giải 2	Toán	9,40	6,75	8,75	8,00	2,75	31,75	
56	0166	VÕ HOÀNG NGỌC	TRÂM	16/11/2006	Quảng Ngãi	THCS Chu Văn An			9,60	7,25	9,50	8,25	2,25	31,75	
57	0175	NGÔ VĂN ĐẮC	TRÍ	22/05/2006	Đà Nẵng	THCS Chu Văn An	Giải KK	Toán	9,40	7,00	10,00	8,00	2,25	31,75	

Danh sách này có 57 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Vật lý
Học sinh thuộc thành phố Đà Nẵng

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp

(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
										Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Vật lý Hệ số 3 (8)		
1	0295	NGUYỄN ĐỨC MINH	TRIẾT	10/01/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 1	Vật lý	9,30	8,50	9,63	9,00	7,50	49,63	
2	0205	ÔNG THỊ THANH	ÂN	14/07/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Văn Linh (CL)	Giải KK	Vật lý	9,80	8,00	9,75	7,50	7,25	47,00	
3	0211	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	10/08/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 1	Vật lý	9,90	7,75	9,75	7,25	7,13	46,14	
4	0221	TRỊNH PHÚ	GIA	21/05/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Vật lý	9,70	8,00	9,50	7,50	7,00	46,00	
5	0260	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHI	27/06/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 1	Vật lý	9,20	7,00	9,38	7,75	6,88	44,77	
6	0209	VÕ TRẦN GIA	BẢO	18/05/2006	Đà Nẵng	THCS Lương Thế Vinh	Giải 1	Vật lý	9,60	4,50	9,00	8,25	7,63	44,64	
7	0270	LÊ NGUYỄN TUÔNG	QUANG	03/11/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Vật lý	9,40	6,75	10,00	7,25	6,75	44,25	
8	0271	NGÔ MINH	QUÂN	11/06/2006	Đà Nẵng	THCS Trung Vương	Giải 1	Vật lý	9,30	7,75	10,00	8,25	6,00	44,00	
9	0216	LÂM TIẾN	DŨNG	23/07/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 1	Vật lý	9,80	7,00	10,00	8,00	6,25	43,75	
10	0296	HỒ QUANG MINH	TRÍ	11/08/2006	Đà Nẵng	THCS Trung Vương			8,90	5,75	9,63	7,00	7,00	43,38	
11	0276	NGUYỄN LÊ KHÁNH	QUỲNH	08/08/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Hồng Phong	Giải 3	Vật lý	9,80	8,50	10,00	7,75	5,38	42,39	
12	0212	HỒ NGUYỄN THÙY	DUNG	12/12/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Thị Hồng Gấm	Giải KK	Vật lý	9,60	7,00	9,63	7,75	6,00	42,38	
13	0285	NGUYỄN THỊ DIỄM	THÚY	03/02/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Thị Định	Giải 2	Vật lý	9,50	7,50	9,75	8,00	5,63	42,14	
14	0267	NGUYỄN THANH	PHÚ	13/06/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 2	Vật lý	9,60	6,00	9,25	8,25	6,00	41,50	
15	0228	DUƠNG TRUNG	HIẾU	14/07/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Vật lý	8,90	7,25	9,63	8,00	5,50	41,38	
16	0208	NGUYỄN HOÀNG	BẢO	15/05/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Vật lý	8,60	6,00	9,50	7,50	6,00	41,00	
17	0265	NGUYỄN THANH	PHONG	24/01/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 2	Vật lý	9,60	8,50	7,38	8,25	5,38	40,27	
18	0304	LÊ QUANG	VŨ	26/10/2006	Đà Nẵng	THCS Lương Thế Vinh	Giải 1	Vật lý	9,40	5,75	10,00	7,50	5,63	40,14	
19	0249	ÔNG PHAN TUẤN	MINH	03/01/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Văn Linh (CL)	Giải 3	Vật lý	9,50	8,75	8,63	6,25	5,50	40,13	
20	0262	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	18/02/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Văn Linh (CL)	Giải 1	Vật lý	9,90	7,75	9,25	7,25	5,13	39,64	
21	0300	PHẠM MINH	TUẤN	10/02/2006	Đà Nẵng	THCS Chu Văn An	Giải 2	Vật lý	8,10	6,25	9,75	7,50	5,25	39,25	
22	0293	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRÂN	13/01/2006	Quảng Nam	THCS Lương Thế Vinh	Giải 1	Vật lý	9,50	7,00	9,00	7,75	5,13	39,14	
23	0199	NGÔ ĐỨC	ANH	10/04/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Thị Định	Giải 1	Vật lý	9,00	8,50	9,88	7,00	4,50	38,88	
24	0283	HOÀNG NGỌC	THỊNH	22/01/2006	Đà Nẵng	THCS Sào Nam	Giải 2	Vật lý	9,80	8,00	9,88	8,00	4,25	38,63	
25	0201	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	20/05/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 2	Vật lý	9,70	7,25	9,75	8,00	4,50	38,50	
26	0286	MAI THANH	THỦY	13/02/2006	Đà Nẵng	THCS Trần Đại Nghĩa	Giải 1	Vật lý	9,90	7,25	9,50	6,50	5,00	38,25	
27	0206	ĐẶNG CÔNG	BÁCH	04/04/2006	Đà Nẵng	THCS Trần Hưng Đạo	Giải KK	Vật lý	9,30	7,25	9,50	8,00	4,50	38,25	
28	0215	NGUYỄN BÁ	DUY	20/02/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Văn Linh (CL)	Giải KK	Vật lý	9,80	7,00	9,75	7,75	4,50	38,00	
29	0233	PHAN CÔNG	HUY	15/02/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Vật lý	9,70	7,25	10,00	8,00	4,25	38,00	
30	0234	PHAN LÊ ANH	HUY	25/01/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Giải 2	Vật lý	9,40	8,00	9,75	7,50	4,25	38,00	
31	0222	NGUYỄN THÀNH LONG	GIANG	11/11/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Vật lý	8,60	7,75	9,13	7,50	4,50	37,88	
32	0288	PHAN NGUYỄN ANH	THỨ	01/08/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 1	Vật lý	9,10	7,50	10,00	6,25	4,63	37,64	
33	0236	PHAN VIỆT	HUNG	21/05/2006	Nghệ An	THCS Lê Độ	Giải 2	Vật lý	9,60	6,00	9,63	8,00	4,63	37,52	
34	0269	DUƠNG VĂN ANH	QUANG	10/01/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Độ	Giải 1	Vật lý	9,10	6,50	9,25	8,25	4,50	37,50	
35	0264	LÊ THANH	PHONG	17/06/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Vật lý	8,70	7,00	9,00	7,25	4,50	36,75	
36	0244	TRẦN THỊ NHẬT	LINH	18/07/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 2	Vật lý	8,90	7,50	9,50	7,75	3,88	36,39	

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
									Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Vật lý Hệ số 3 (8)		
37	0204	TRẦN MINH ANH	20/04/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 3	Vật lý	8,00	7,00	8,75	5,75	4,88	36,14	
38	0231	PHAN MINH HOÀNG	11/10/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 2	Vật lý	9,99	7,50	9,25	7,75	3,88	36,14	
39	0202	PHẠM PHƯƠNG ANH	21/03/2006	Đà Nẵng	THCS Trần Hưng Đạo	Giải 2	Vật lý	9,70	8,50	9,63	7,50	3,50	36,13	
40	0259	NGUYỄN HOÀNG Ý NHI	27/09/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 2	Vật lý	9,60	8,00	9,63	7,75	3,50	35,88	
41	0250	HUỲNH MỸ NGÂN	04/07/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn			9,30	7,50	9,75	7,75	3,50	35,50	
42	0299	HUỲNH ANH TUẤN	28/08/2006	Đà Nẵng	THCS Trần Quốc Tuấn	Giải 3	Vật lý	8,50	6,50	9,63	7,75	3,63	34,77	
43	0214	LÊ VÕ HOÀNG DUY	18/08/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 2	Vật lý	9,60	7,00	8,75	7,25	3,88	34,64	
44	0217	LÊ VĂN VIỆT DŨNG	13/09/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Tự Trọng	Giải 2	Vật lý	9,70	6,00	9,00	8,50	3,63	34,39	
45	0200	NGUYỄN NHẬT ANH	26/09/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Thị Hồng Gấm	Giải 1	Vật lý	9,20	8,50	9,25	7,50	3,00	34,25	

Danh sách này có 45 thí sinh đủ điểm chuẩn.



DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Hóa học
Học sinh thuộc thành phố Đà Nẵng

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
										Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Hóa học Hệ số 3 (8)		
1	0334	HỒ THỊ XUÂN	HÂN	27/03/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Lợi	Giải 1	Hóa học	9,80	8,00	10,00	7,75	7,88	49,39	
2	0305	LÊ NHẬT	ANH	06/06/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải 1	Hóa học	9,70	7,25	8,63	8,50	7,88	48,02	
3	0418	NGUYỄN NHÂN	TIẾN	24/11/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Hóa học	9,90	8,25	10,00	8,00	6,75	46,50	
4	0375	TRẦN QUỲNH	MY	25/05/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 1	Hóa học	9,90	7,25	9,75	7,50	7,25	46,25	
5	0343	LÊ ĐỨC	HUY	25/06/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 1	Hóa học	9,70	7,25	9,88	7,50	6,38	43,77	
6	0402	LÊ HUỲNH ANH	QUÝ	14/03/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Hóa học	9,90	7,50	10,00	8,25	5,88	43,39	
7	0431	NGUYỄN ĐỨC	TÙNG	07/09/2006	Hải Phòng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 1	Hóa học	9,80	7,00	10,00	7,25	6,25	43,00	
8	0425	VÕ MINH	TRIẾT	02/07/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Hóa học	9,80	7,50	9,75	7,75	6,00	43,00	
9	0409	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	03/03/2006	Quảng Nam	THCS Chu Văn An	Giải 1	Hóa học	9,90	6,50	9,75	8,00	5,88	41,89	
10	0390	NGUYỄN LÊ KIM	OANH	01/07/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Lợi	Giải 1	Hóa học	9,80	8,50	9,63	6,50	5,63	41,52	
11	0346	ĐẶNG THANH	HUYỀN	12/01/2006	Đà Nẵng	THCS Huỳnh Thúc Kháng	Giải 3	Hóa học	9,99	8,50	9,75	7,75	5,13	41,39	
12	0350	VĂN PHÚ	KHANG	06/04/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 1	Hóa học	9,99	7,00	10,00	7,50	5,50	41,00	
13	0413	LƯƠNG THANH ANH	THU	01/01/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải 2	Hóa học	9,90	7,50	10,00	7,25	5,38	40,89	
14	0386	NGUYỄN NGÔ YẾN	NHI	13/08/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Hóa học	9,90	6,50	9,75	8,00	5,50	40,75	
15	0327	NGUYỄN DUY KHÁNH	ĐAN	31/08/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 1	Hóa học	9,90	7,75	9,50	6,50	5,50	40,25	
16	0359	SỬ MINH	KHOA	15/01/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 1	Hóa học	9,70	5,00	8,88	6,00	6,75	40,13	
17	0403	NGUYỄN MAI HẢI	SƠN	28/02/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải 2	Hóa học	9,80	6,50	8,88	7,50	5,75	40,13	
18	0393	VÕ HOÀNG	PHÚC	26/07/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 1	Hóa học	9,70	7,50	10,00	7,75	4,75	39,50	
19	0383	LÂM QUỲNH	NHI	22/08/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Tự Trọng	Giải 2	Hóa học	9,99	7,75	10,00	7,75	4,50	39,00	
20	0401	ĐINH NGỌC	QUÝ	04/04/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Hóa học	9,80	6,50	9,25	7,75	5,13	38,89	
21	0345	VŨ ĐỨC	HUY	18/03/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 2	Hóa học	9,80	6,75	9,63	7,50	5,00	38,88	
22	0405	LƯƠNG NGUYỄN XUÂN	TÀI	19/06/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 2	Hóa học	9,90	8,00	9,13	7,25	4,63	38,27	
23	0372	NGUYỄN KHÁNH	MINH	29/11/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 1	Hóa học	9,70	7,00	6,75	8,25	5,38	38,14	
24	0310	NGUYỄN TAM NHẤT	BẢO	26/10/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 3	Hóa học	9,80	5,75	9,50	7,75	5,00	38,00	
25	0374	LÊ NGỌC GIÁNG	MY	20/07/2006	Đà Nẵng	THCS Huỳnh Thúc Kháng	Giải 1	Hóa học	9,70	7,50	9,50	8,00	4,25	37,75	
26	0344	PHAN HOÀNG	HUY	19/03/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Hóa học	9,70	6,00	9,50	7,50	4,75	37,25	
27	0384	LÊ HIẾU	NHI	12/06/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Bình Khiêm (NHS)	Giải 2	Hóa học	9,90	8,25	8,63	6,25	4,63	37,02	
28	0426	HUỲNH NGỌC THỰC	TRÌNH	09/07/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Thị Minh Khai	Giải 2	Hóa học	9,60	8,50	9,13	7,25	3,63	35,77	
29	0351	HUỲNH HỒ PHƯƠNG	KHANH	18/09/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 2	Hóa học	9,50	6,25	9,75	7,25	4,13	35,64	
30	0307	ĐỖ NGỌC GIA	BẢO	14/05/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 3	Hóa học	9,90	7,75	10,00	7,75	3,38	35,64	
31	0424	TRẦN LÊ BẢO	TRÂN	23/09/2006	Đà Nẵng	THCS Trần Hưng Đạo	Giải 2	Hóa học	9,80	7,50	9,75	6,75	3,75	35,25	
32	0387	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	02/10/2006	Quảng Nam	THCS Tây Sơn	Giải 2	Hóa học	9,80	8,00	9,38	7,50	3,38	35,02	
33	0328	CAO HIỂN	ĐẠT	09/11/2006	Đà Nẵng	THCS Huỳnh Thúc Kháng	Giải 1	Hóa học	9,80	7,75	9,25	6,75	3,75	35,00	

Danh sách này có 33 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Sinh học
Học sinh thuộc thành phố Đà Nẵng

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
										Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Sinh học Hệ số 3 (8)		
1	0495	NGUYỄN HỮU	NGUYỄN	23/01/2006	Đà Nẵng	THCS Trung Vương	Giải 1	Sinh học	9,90	7,25	10,00	8,00	8,75	51,50	
2	0484	ĐẶNG THỊ THẢO	MY	25/11/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Giải 1	Sinh học	9,90	8,00	9,00	8,00	8,38	50,14	
3	0452	LƯƠNG TUẤN	ĐẠT	30/08/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Sinh học	9,90	8,25	10,00	6,75	8,00	49,00	
4	0457	NGUYỄN MINH	HIỂN	09/05/2006	Quảng Bình	THCS Tây Sơn	Giải 1	Sinh học	9,99	7,50	8,25	6,25	8,88	48,64	
5	0482	ĐỖ ĐĂNG	MINH	05/02/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 1	Sinh học	9,80	7,75	9,75	9,25	7,13	48,14	
6	0448	NGUYỄN MAI BẢO	CHÂU	20/03/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 1	Sinh học	9,40	7,50	9,88	7,00	7,38	46,52	
7	0451	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	15/11/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Sinh học	9,70	8,25	9,13	7,75	7,00	46,13	
8	0459	PHẠM LÊ MINH	HOÀNG	16/08/2006	Đà Nẵng	THCS Trung Vương	Giải 1	Sinh học	9,40	7,00	9,75	6,00	7,00	43,75	
9	0470	TRẦN HUỖNH GIA	KHÁNH	05/10/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Độ	Giải 2	Sinh học	9,60	7,25	9,00	7,25	6,38	42,64	
10	0500	TRỊNH DUY	PHÚ	28/10/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Lợi	Giải 2	Sinh học	9,50	6,50	10,00	7,75	6,13	42,64	
11	0442	LƯƠNG NGỌC MAI	ANH	08/10/2006	Đà Nẵng	THCS Lương Thế Vinh	Giải 3	Sinh học	9,50	8,00	8,63	6,00	6,63	42,52	
12	0502	ĐINH VIỆT	QUÂN	08/11/2006	Đà Nẵng	THCS Phan Bội Châu	Giải 3	Sinh học	9,60	7,00	9,63	6,75	6,25	42,13	
13	0506	ĐÀO HUY	THÀNH	08/09/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Hồng Phong	Giải 2	Sinh học	9,30	6,25	10,00	6,25	6,13	40,89	
14	0491	HỒ DOÃN BẢO	NGỌC	02/02/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Sinh học	9,99	7,50	8,75	7,50	5,63	40,64	
15	0454	TRẦN NGUYỆT	HÀ	13/01/2006	Bình Định	THCS Huỳnh Bá Chánh	Giải 1	Sinh học	9,99	7,00	9,63	7,50	5,25	39,88	
16	0476	NGUYỄN NHƯNGỌC	LAN	30/04/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 2	Sinh học	9,60	7,50	9,13	7,50	5,25	39,88	
17	0437	NGUYỄN QUANG PHÚC	AN	18/12/2006	Quảng Nam	THCS Lê Độ	Giải 1	Sinh học	9,30	7,00	8,38	6,25	6,00	39,63	
18	0471	ĐOÀN THỊ NGỌC	KHUÊ	22/10/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Lương Bằng	Giải 2	Sinh học	9,99	8,00	8,88	8,00	4,88	39,52	
19	0456	ĐINH XUÂN	HẢI	31/03/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Công Trứ	Giải 1	Sinh học	9,10	5,25	9,00	6,50	6,25	39,50	
20	0487	NGUYỄN ĐỖ NGỌC	NGÂN	27/12/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Sinh học	9,50	7,50	9,88	8,00	4,63	39,27	
21	0450	ĐOÀN CÔNG	DANH	01/10/2006	Quảng Nam	THCS Nguyễn Lương Bằng	Giải 3	Sinh học	9,90	8,50	9,50	6,25	5,00	39,25	
22	0440	ĐINH ĐỖ TRÂM	ANH	01/11/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 2	Sinh học	9,90	7,75	9,50	6,50	5,13	39,14	
23	0458	DƯƠNG HIỂN CHÂU	HOÀN	24/02/2006	Hồ Chí Minh	THCS Lương Thế Vinh	Giải 3	Sinh học	8,80	8,50	10,00	7,25	4,25	38,50	
24	0479	NGUYỄN THỊ THỰC	LINH	03/12/2006	Đà Nẵng	THCS Phan Đình Phùng	Giải 3	Sinh học	9,99	7,25	9,00	7,50	4,88	38,39	
25	0494	NGUYỄN HƯƠNG	NGUYỄN	19/10/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Sinh học	9,70	8,00	9,00	7,50	4,63	38,39	
26	0518	NGÔ BẢO	TRÂN	19/11/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 2	Sinh học	9,60	8,50	9,63	7,25	4,13	37,77	
27	0490	NGUYỄN HUỖNH BẢO	NGHI	09/03/2006	Savannakhet, Lào	TH, THCS Đức Trí	Giải 1	Sinh học	9,70	7,00	9,38	6,25	5,00	37,63	
28	0509	LÊ VĨNH QUỲNH	THI	24/12/2005	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Sinh học	9,40	6,75	9,13	7,75	4,63	37,52	
29	0497	ĐỖ THỊ MINH	NGUYỆT	22/11/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Lương Bằng	Giải 3	Sinh học	9,99	7,75	9,38	6,75	4,13	36,27	
30	0480	PHẠM THỊ TRÚC	LINH	24/04/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Sinh học	9,60	6,50	9,63	8,00	3,88	35,77	
31	0444	PHẠM ĐẮC	ANH	04/07/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Văn Linh (CL)	Giải 2	Sinh học	9,80	7,75	9,75	7,25	3,63	35,64	
32	0496	NGUYỄN THANH	NGUYỄN	25/09/2006	Đà Nẵng	THCS Ngô Thì Nhậm	Giải 3	Sinh học	9,60	7,00	9,38	7,25	3,88	35,27	
33	0461	ĐỖ MINH	HUY	15/03/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 1	Sinh học	9,60	7,50	9,00	7,00	3,88	35,14	
34	0463	VÕ BÙI BẢO	HUY	25/07/2006	Quảng Trị	THCS Tây Sơn			9,30	7,00	9,13	5,75	4,38	35,02	
35	0514	VÕ NGỌC ĐOÀN	THỨ	16/12/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 2	Sinh học	9,40	7,75	9,00	6,25	3,88	34,64	

Danh sách này có 35 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Tin học
Học sinh thuộc thành phố Đà Nẵng

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
									Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Tin học Hệ số 3 (8)		
1	0553	LÊ QUANG	PHÚC	08/05/2006	Quảng Nam	Giải 1	Tin học	8,90	6,50	9,63	7,75	10,00	53,88	
2	0536	LÊ GIA	KHÁNH	24/03/2006	Đà Nẵng	Giải 1	Tin học	9,90	6,50	9,75	7,25	10,00	53,50	
3	0534	PHẠM NGUYỄN ĐĂNG	HUY	12/08/2006	Đà Nẵng	Giải 1	Tin học	9,30	7,00	9,88	6,50	10,00	53,38	
4	0560	PHAN NGỌC	THỨC	16/09/2006	Đà Nẵng	Giải 1	Tin học	9,20	5,75	9,75	7,75	10,00	53,25	
5	0547	LÊ BÌNH	MINH	16/08/2006	Đà Nẵng	Giải 2	Tin học	9,99	7,00	10,00	5,75	10,00	52,75	
6	0548	SÁI CÔNG	MINH	27/04/2006	Ninh Bình	Giải 1	Tin học	9,70	6,25	9,38	7,75	9,75	52,63	
7	0544	VŨ HOÀNG	LONG	03/02/2006	Đà Nẵng			8,60	6,50	7,88	8,00	10,00	52,38	
8	0538	NGUYỄN TẤN HOÀNG	KHOA	16/10/2006	Đà Nẵng	Giải 3	Tin học	9,60	7,00	9,88	8,50	9,00	52,38	
9	0533	LƯƠNG MINH	HIẾU	06/04/2006	Đà Nẵng			9,60	6,00	10,00	6,75	9,75	52,00	
10	0555	LUU CHÍ	QUÂN	22/02/2006	Quảng Nam	Giải 1	Tin học	8,60	5,75	9,00	6,75	10,00	51,50	
11	0546	ĐỖ GIA	MINH	25/03/2006	Đà Nẵng	Giải 3	Tin học	9,99	7,25	9,25	7,25	9,25	51,50	
12	0539	VÕ ĐĂNG	KHOA	13/01/2006	Đà Nẵng	Giải 2	Tin học	9,60	6,75	9,00	8,75	9,00	51,50	
13	0532	HÀ MINH	HIẾU	04/03/2006	Đà Nẵng	Giải 2	Tin học	8,80	8,00	10,00	7,00	8,75	51,25	
14	0554	ĐOÀN MINH	QUÂN	21/07/2006	Đà Nẵng	Giải 1	Tin học	9,10	6,50	9,75	8,50	8,75	51,00	
15	0563	HUỶNH ANH	TUẤN	04/02/2006	Đà Nẵng	Giải 1	Tin học	9,40	7,00	9,75	7,75	8,75	50,75	
16	0551	HUỶNH TẤN	PHÚC	12/12/2006	Quảng Nam	Giải 2	Tin học	9,99	7,50	10,00	7,50	7,50	47,50	
17	0561	TRẦN ĐÌNH	TRÍ	28/07/2006	Đà Nẵng	Giải KK	Tin học	9,30	5,00	10,00	7,50	8,25	47,25	
18	0535	PHAN TUẤN	KHANG	27/02/2006	Quảng Nam	Giải 3	Tin học	9,99	8,50	9,63	6,50	7,50	47,13	
19	0543	NGUYỄN THÀNH	LONG	28/01/2006	Đà Nẵng	Giải 2	Tin học	8,10	5,75	10,00	6,50	8,00	46,25	
20	0556	NGUYỄN LÊ MINH	QUÂN	03/01/2006	Đà Nẵng	Giải 2	Tin học	9,20	6,50	9,13	8,00	7,50	46,13	

Danh sách này có 20 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Ngữ văn
Học sinh thuộc thành phố Đà Nẵng

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7)+(8) x 3	Ghi chú
										Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Ngữ văn Hệ số 3 (8)		
1	0588	PHAN NGUYỄN MỸ	DUYÊN	29/07/2006	Đà Nẵng	THCS Chu Văn An	Giải 2	Ngữ văn	9,20	8,50	9,88	6,25	8,00	48,63	
2	0620	HUỖNH HỒ HIỀN	LUÔNG	13/03/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Văn Linh (HV)	Giải 1	Ngữ văn	9,50	8,25	9,88	6,50	7,75	47,88	
3	0671	NGUYỄN NHẬT KHÁNH	TIỀN	25/07/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 2	Ngữ văn	8,70	7,75	9,00	6,50	7,50	45,75	
4	0617	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	LINH	31/07/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 1	Ngữ văn	9,20	8,50	9,25	7,75	6,50	45,00	
5	0585	ĐOÀN THỊ THANH	CHI	11/09/2006	Đà Nẵng	THCS Chu Văn An	Giải 1	Ngữ văn	9,20	8,50	9,25	7,75	6,50	45,00	
6	0660	NGUYỄN KHÁNH	THỦY	21/10/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Văn Linh (CL)	Giải KK	Ngữ văn	9,10	9,00	9,50	6,50	6,50	44,50	
7	0569	LÊ TUẤN	ANH	15/09/2006	Hồ Chí Minh	THCS Kim Đồng	Giải KK	Ngữ văn	8,80	8,25	9,38	7,25	6,50	44,38	
8	0684	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRINH	24/07/2006	Quảng Nam	THCS Nguyễn Thị Định	Giải 3	Ngữ văn	8,70	8,25	9,75	6,50	6,50	44,00	
9	0568	LÊ CHÂU	ANH	24/09/2006	Quảng Ngãi	THCS Tây Sơn	Giải 1	Ngữ văn	9,60	8,75	9,63	7,25	6,00	43,63	
10	0661	PHẠM THỊ THU	THỦY	28/02/2006	Thừa Thiên Huế	THCS Ngô Thì Nhậm	Giải 1	Ngữ văn	9,10	8,00	9,00	6,25	6,75	43,50	
11	0616	NGUYỄN THÙY TRÚC	LINH	23/01/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Trãi			9,30	8,25	9,50	5,25	6,75	43,25	
12	0579	NGUYỄN BẢO	CHÂN	23/09/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 3	Ngữ văn	8,80	8,75	10,00	7,25	5,75	43,25	
13	0602	LÊ THỊ DIỆU	HIỀN	21/04/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 3	Ngữ văn	8,70	8,50	9,50	7,75	5,75	43,00	
14	0675	LÊ NGỌC KHÁNH	TRÂM	25/05/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương			8,90	7,75	9,13	6,25	6,50	42,63	
15	0695	PHAN HÀ	VY	10/01/2006	Đà Nẵng	THCS Trần Quốc Tuấn	Giải 1	Ngữ văn	9,10	8,00	9,00	7,50	6,00	42,50	
16	0666	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	26/07/2006	Hồ Chí Minh	THCS Trưng Vương	Giải 1	Ngữ văn	8,90	8,75	9,00	6,75	6,00	42,50	
17	0631	LUÔNG HUỖNH	NGOC	03/05/2006	Đà Nẵng	THCS Huỳnh Bá Chánh	Giải 1	Ngữ văn	8,90	8,75	7,38	6,75	6,50	42,38	
18	0632	TÔN KHÁNH	NGOC	18/04/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Độ	Giải KK	Ngữ văn	9,30	7,75	9,63	6,25	6,25	42,38	
19	0597	HOÀNG LÊ KHÁNH	HÂN	20/05/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Công Trứ	Giải 2	Ngữ văn	9,00	8,00	9,50	7,50	5,75	42,25	
20	0676	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	06/12/2006	Thừa Thiên Huế	THCS Lê Độ			9,10	8,00	9,38	3,75	7,00	42,13	
21	0567	HỒ PHƯƠNG	ANH	23/06/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 3	Ngữ văn	9,00	8,00	8,63	6,00	6,50	42,13	
22	0577	NGUYỄN KIM	ÁNH	07/12/2006	Đà Nẵng	THCS Chu Văn An	Giải 3	Ngữ văn	8,60	8,25	9,63	6,25	6,00	42,13	
23	0570	NGÔ QUỲNH	ANH	13/01/2006	Quảng Nam	THCS Đặng Thai Mai	Giải 2	Ngữ văn	9,40	8,00	10,00	6,75	5,75	42,00	
24	0636	LÊ NGUYỄN BẢO	NGUYỄN	08/08/2006	Đà Nẵng	THCS Hoàng Sa	Giải 1	Ngữ văn	8,40	8,00	9,75	7,75	5,50	42,00	
25	0575	TRỊNH GIA	ANH	14/09/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 3	Ngữ văn	9,40	7,50	9,63	6,75	6,00	41,88	

Danh sách này có 25 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Lịch sử
Học sinh thuộc thành phố Đà Nẵng

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
										Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Lịch sử Hệ số 3 (8)		
1	0735	HỒ TRẦN MINH	TUYẾT	19/02/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 2	Lịch sử	9,30	7,50	9,75	6,75	9,00	51,00	
2	0723	HỨA TRẦN BẢO	NGOC	01/01/2006	Đà Nẵng	THCS Sào Nam	Giải 3	Lịch sử	9,60	7,50	9,38	6,00	9,25	50,63	
3	0717	BÙI QUANG	MINH	14/04/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Văn Cừ	Giải 2	Lịch sử	9,70	7,00	10,00	6,00	8,75	49,25	
4	0734	MAI THỊ QUỲNH	TRANG	17/04/2006	Đà Nẵng	THCS Huỳnh Bá Chánh	Giải 2	Lịch sử	9,80	5,25	8,13	6,50	9,00	46,88	
5	0712	TRẦN HUYỀN	KHANH	19/01/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 3	Lịch sử	9,80	6,75	9,50	5,75	7,75	45,25	
6	0737	MAI ĐẮC	VONG	08/11/2006	Hồ Chí Minh	THCS Trần Quang Khải	Giải 1	Lịch sử	9,80	6,50	8,88	8,00	6,75	43,63	
7	0721	NGUYỄN Mẫn	NGHI	30/09/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Bình Khiêm (NHS)	Giải 1	Lịch sử	9,40	6,50	7,25	4,50	8,25	43,00	
8	0699	NGUYỄN THÚY	AN	12/01/2006	Quảng Nam	THCS Nguyễn Văn Linh (CL)	Giải 1	Lịch sử	8,80	7,50	8,00	5,25	7,25	42,50	
9	0707	HỒ NGUYỄN NGỌC	HÂN	04/08/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Văn Linh (CL)	Giải 1	Lịch sử	9,20	7,25	8,88	7,25	6,25	42,13	
10	0710	VÕ NGUYỄN BẢO	HÂN	25/02/2006	Đà Nẵng	THCS Lương Thế Vinh	Giải 3	Lịch sử	9,70	7,50	9,38	7,25	6,00	42,13	

Danh sách này có 10 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Địa lý
Học sinh thuộc thành phố Đà Nẵng

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
										Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Địa lý Hệ số 3 (8)		
1	0775	TRẦN BẠCH NGỌC	SƯỜNG	13/02/2006	Nghệ An	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 3	Địa lý	9,60	7,25	9,50	7,75	7,00	45,50	
2	0754	NGUYỄN ĐỨC AN	KHÔI	24/10/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 2	Địa lý	9,50	7,50	9,75	7,50	6,25	43,50	
3	0773	THIỀU THANH	PHONG	20/05/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 1	Địa lý	9,90	6,00	8,25	5,75	6,50	39,50	
4	0764	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	26/04/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương			8,30	7,25	9,00	6,75	5,50	39,50	
5	0772	LÊ QUỲNH	NHI	29/05/2006	Hồ Chí Minh	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 2	Địa lý	9,20	7,50	9,38	7,25	4,25	36,88	
6	0744	LÊ XUÂN HOÀNG	DUYÊN	05/10/2006	Hà Nội	THCS Nguyễn Huệ	Giải 1	Địa lý	9,40	6,50	6,63	7,25	5,25	36,13	
7	0757	NGUYỄN HOÀNG	MAI	07/07/2006	Đồng Nai	THCS Trần Quý Cáp	Giải 2	Địa lý	9,20	7,50	8,88	4,75	5,00	36,13	
8	0777	BÙI QUANG	TIẾN	14/11/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Độ	Giải 1	Địa lý	9,30	7,25	9,38	6,00	4,25	35,38	
9	0770	NGUYỄN VIỆT	NGUYỄN	20/04/2006	Đà Nẵng	THCS Đỗ Thúc Tịnh	Giải 1	Địa lý	9,40	6,75	7,63	7,25	4,50	35,13	
10	0766	VÕ THỊ THANH	NGÂN	09/03/2006	Đà Nẵng	THCS Huỳnh Bá Chánh	Giải 1	Địa lý	9,00	6,00	9,13	5,50	4,75	34,88	

Danh sách này có 10 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Tiếng Anh
Học sinh thuộc thành phố Đà Nẵng

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp

(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7)+(8) x 3	Ghi chú
										Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Tiếng Anh Hệ số 3 (8)		
1	0870	VÕ LƯƠNG GIA	KHÁNH	03/09/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Tiếng Anh	9,70	8,50	10,00	7,75	8,50	51,75	
2	0796	LƯƠNG VIỆT	ANH	11/02/2006	Nghệ An	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 1	Tiếng Anh	9,99	8,25	10,00	8,50	8,30	51,65	
3	0981	VŨ LÊ CÁT	TIỀN	07/12/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 1	Tiếng Anh	9,70	8,50	9,88	8,50	8,05	51,03	
4	0933	TRẦN CÁT	NHI	31/10/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương			9,60	7,50	10,00	9,50	7,85	50,55	
5	0945	NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	09/03/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải 1	Tiếng Anh	9,90	8,00	10,00	8,25	8,05	50,40	
6	0887	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	27/12/2006	Đà Nẵng	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 1	Tiếng Anh	9,60	8,50	10,00	7,75	8,05	50,40	
7	0837	PHẠM NGUYỄN MINH	HIỀN	10/12/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Tiếng Anh	9,90	8,75	10,00	8,25	7,60	49,80	
8	0816	HUỲNH HOÀI	DUYÊN	19/09/2006	Đà Nẵng	THCS Lương Thế Vinh	Giải 1	Tiếng Anh	9,70	7,50	10,00	8,25	7,90	49,45	
9	0845	PHẠM MINH	HOÀNG	21/09/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Lợi	Giải 1	Tiếng Anh	9,80	7,75	10,00	7,25	8,00	49,00	
10	0800	PHAN BẢO	ANH	05/06/2006	Khánh Hòa	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 1	Tiếng Anh	9,70	8,00	10,00	7,00	8,00	49,00	
11	0987	HÀ XUÂN THẢO	TRÂM	20/01/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Tiếng Anh	9,80	8,50	10,00	7,75	7,30	48,15	
12	0976	TRẦN NGUYỄN NHẬT	THY	30/05/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 1	Tiếng Anh	9,60	8,50	10,00	6,50	7,65	47,95	
13	0833	LÊ HÀ NGỌC	HÂN	17/04/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 1	Tiếng Anh	9,70	7,75	10,00	8,50	7,05	47,40	
14	0980	TRẦN ANH	TIỀN	02/12/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải 1	Tiếng Anh	9,80	7,00	10,00	7,50	7,30	46,40	
15	1000	TRẦN ANH	TUẤN	09/11/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 1	Tiếng Anh	9,40	6,75	10,00	7,25	7,40	46,20	
16	0868	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	03/05/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Tiếng Anh	9,90	7,00	9,75	6,50	7,60	46,05	
17	0829	PHAN LÊ KHÁNH	HÀNG	15/08/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Giải 2	Tiếng Anh	9,60	8,75	10,00	6,25	6,95	45,85	
18	1016	LÊ NGỌC TƯỜNG	VY	04/02/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Duy Hiệu	Giải 2	Tiếng Anh	9,40	7,50	9,75	7,50	6,85	45,30	
19	0862	LÊ THUY VÂN	KHA	05/04/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Đình Chiểu	Giải 2	Tiếng Anh	9,40	8,00	10,00	5,75	7,10	45,05	
20	0973	TRẦN NGỌC	THƯ	22/01/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn			9,60	8,25	10,00	7,50	6,40	44,95	
21	0921	LƯƠNG TÂM	NGUYỄN	15/08/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Độ	Giải 1	Tiếng Anh	9,50	8,25	10,00	8,00	6,15	44,70	
22	0826	NGUYỄN KHÁNH	HÀ	15/08/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Lợi	Giải 1	Tiếng Anh	9,70	7,00	10,00	6,25	7,10	44,55	
23	0871	HOÀNG NGÂN	KHÊ	22/05/2006	Đà Nẵng	THCS Lương Thế Vinh	Giải 3	Tiếng Anh	9,50	8,75	9,88	5,75	6,65	44,33	
24	0957	TRẦN MINH	SƠN	08/08/2006	Quảng Nam	THCS Lý Thường Kiệt	Giải 1	Tiếng Anh	9,40	8,25	9,88	7,50	6,20	44,23	
25	0979	NGUYỄN VŨ CÁT	TIỀN	24/07/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Tiếng Anh	9,60	8,25	9,88	7,75	6,10	44,18	
26	1018	NGÔ HUỲNH KHÁNH	VY	22/11/2006	Quảng Nam	THCS, THPT Nguyễn Khuyến			9,70	7,50	10,00	6,50	6,60	43,80	
27	0835	NGUYỄN LÊ GIA	HÂN	07/10/2006	Đà Nẵng	THCS Lương Thế Vinh	Giải 2	Tiếng Anh	9,60	7,50	10,00	7,50	6,25	43,75	
28	0967	NGÔ ANH	THƠ	21/11/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến			9,70	8,25	10,00	6,50	6,30	43,65	
29	0867	NGUYỄN ĐOÀN DIỆP	KHÁNH	11/10/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn			9,60	7,75	10,00	7,25	6,05	43,15	
30	0879	HUỲNH ANH	KIỆT	14/01/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Tiếng Anh	9,80	8,25	10,00	6,50	6,10	43,05	
31	0804	TÔ GIA PHƯỚC	BẢO	26/09/2006	Huế	THCS, THPT Nguyễn Khuyến	Giải 1	Tiếng Anh	9,99	7,00	10,00	8,25	5,85	42,80	
32	1014	NGUYỄN VĂN LẠC	VIỆT	20/01/2006	Đà Nẵng	PT Hermann Gmeiner	Giải 1	Tiếng Anh	9,80	7,25	10,00	7,50	5,95	42,60	
33	0793	HUỲNH HỒ PHƯƠNG	ANH	18/09/2006	Đà Nẵng	THCS Kim Đồng	Giải 1	Tiếng Anh	9,30	8,00	9,75	5,75	6,30	42,40	
34	0809	NGUYỄN MỸ	CHÁNH	12/03/2006	Đà Nẵng	THCS, THPT Nguyễn Khuyến			9,50	7,50	9,75	5,75	6,45	42,35	

Danh sách này có 34 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Tiếng Pháp
Học sinh thuộc thành phố Đà Nẵng

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh		Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
										Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Tiếng Hệ số 3 (8)		
1	1024	LÊ MINH	ANH	16/10/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Huệ	Giải 3	Tiếng Pháp	9,50	5,25	9,75	5,50	9,05	47,65	
2	1028	NGUYỄN LÊ KIM	NGÂN	21/08/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải 2	Tiếng Pháp	9,80	8,00	9,00	7,25	7,70	47,35	
3	1025	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	23/05/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải KK	Tiếng Pháp	9,70	7,00	8,88	7,50	7,10	44,68	
4	1033	PHẠM NGUYỄN ANH	QUÂN	25/09/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải KK	Tiếng Pháp	9,60	6,00	7,50	7,50	6,70	41,10	
5	1030	PHAN THỊ THẢO	NHI	21/04/2006	Quảng Nam	THCS Trưng Vương	Giải KK	Tiếng Pháp	9,70	7,25	7,00	7,00	6,20	39,85	
6	1026	NGUYỄN THU	KỲ	10/06/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải 3	Tiếng Pháp	9,70	5,75	8,38	5,75	6,65	39,83	
7	1032	MANG HỒNG	PHÚC	20/06/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải 1	Tiếng Pháp	9,90	4,25	8,25	5,50	7,00	39,00	
8	1029	LÊ DƯƠNG THẢO	NGUYỄN	22/06/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương			9,60	6,50	6,75	6,00	5,85	36,80	
9	1027	PHẠM NGUYỄN ANH	MINH	25/09/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương	Giải KK	Tiếng Pháp	9,70	5,50	6,75	5,25	5,85	35,05	
10	1031	VÕ YẾN	NHI	30/01/2006	Đà Nẵng	THCS Trưng Vương			9,80	6,00	6,50	4,25	5,05	31,90	

Danh sách này có 10 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
									Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Nhật Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Tiếng Nhật Hệ số 3 (8)		
1	1057	NGUYỄN VĂN MINH TRÍ	10/09/2006	Đà Nẵng	THCS Lương Thế Vinh	Giải 2	Tiếng Nhật	9,90	6,75	9,40	7,75	9,60	52,70	
2	1055	HUỲNH NGỌC ANH THU	02/12/2006	Đà Nẵng	THCS Lê Lợi	Giải KK	Tiếng Nhật	9,70	8,50	9,60	7,50	8,70	51,70	
3	1044	TRẦN QUANG MINH	28/06/2006	Quảng Trị	THCS Lương Thế Vinh	Giải 2	Tiếng Nhật	9,80	7,00	10,00	7,50	8,80	50,90	
4	1034	NGUYỄN VŨ VI AN	29/10/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 3	Tiếng Nhật	9,60	6,00	9,60	7,25	9,10	50,15	
5	1047	ĐỖ THỊ YẾN NHI	19/05/2006	Đà Nẵng	THCS Nguyễn Lương Bằng	Giải 3	Tiếng Nhật	9,90	7,75	10,00	6,25	8,60	49,80	
6	1053	ĐOÀN MINH TÂM	19/02/2006	Gia Lai	THCS Tây Sơn	Giải 2	Tiếng Nhật	9,40	7,50	9,40	6,75	8,50	49,15	
7	1048	NGUYỄN THỰC PHƯƠNG NHI	09/01/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 1	Tiếng Nhật	9,40	7,00	10,00	7,50	8,20	49,10	
8	1040	HỒ THỊ KIM KHÁNH	20/03/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn			9,50	7,00	9,20	7,50	8,20	48,30	
9	1045	NGUYỄN NGỌC THANH NGÂN	06/12/2006	Quảng Nam	THCS Tây Sơn	Giải 1	Tiếng Nhật	9,60	7,75	9,80	6,00	8,20	48,15	
10	1056	TRẦN LÊ NGUYỄN THY	03/04/2006	Đà Nẵng	THCS Tây Sơn	Giải 3	Tiếng Nhật	9,00	8,00	9,40	5,75	7,80	46,55	

Danh sách này có 10 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Toán
Học sinh thuộc Tỉnh Quảng Nam

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
									Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Toán Hệ số 3 (8)		
1	0015	BÙI XUÂN BẮN	24/09/2006	Quảng Nam	THCS Quảng Nam	Giải 3	Toán	9,99	7,00	9,63	8,00	5,25	40,38	
2	0048	BÙI LÊ QUANG HUY	07/03/2006	Quảng Nam	THCS Quảng Nam			0,00	6,75	9,63	8,50	4,50	38,38	
3	0120	LÊ TỰ PHONG	07/08/2006	Quảng Nam	THCS Quảng Nam	Giải 1	Toán	0,00	7,00	9,63	9,50	4,00	38,13	

Danh sách này có 3 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Lớp chuyên: Vật lý
Học sinh thuộc Tỉnh Quảng Nam

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)

TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
									Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Vật lý Hệ số 3 (8)		
1	0237	ĐẶNG VINH KHANG	08/11/2006	Quảng Nam	THCS Quảng Nam			0,00	6,50	9,75	7,50	9,00	50,75	
2	0207	LÝ VĨ BẢO	18/09/2006	Đà Nẵng	THCS Quảng Nam	Giải 2	Vật lý	9,90	6,00	9,63	7,75	8,25	48,13	
3	0223	NGÔ THANH XUÂN GIAO	18/11/2006	Quảng Nam	THCS Quảng Nam	Giải 2	Vật lý	9,20	5,50	8,75	7,75	8,00	46,00	
4	0294	NGUYỄN PHAN BẢO TRÂN	21/03/2006	Quảng Nam	THCS Quảng Nam	Giải 2	Vật lý	9,90	8,50	10,00	8,25	4,75	41,00	
5	0287	NGUYỄN LÊ HẢI THỦY	23/01/2006	Quảng Nam	THCS Quảng Nam	Giải 3	Vật lý	9,20	4,75	9,00	7,50	5,13	36,64	

Danh sách này có 5 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
									Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Hóa học Hệ số 3 (8)		
1	0399	ĐỖ PHÚ QUỐC	16/07/2006	Đà Nẵng	THCS Quảng Nam	Giải 1	Hóa học	0,00	7,00	9,63	8,00	8,13	49,02	
2	0400	NGUYỄN PHÚC BẢO QUỲNH	25/08/2006	Quảng Nam	THCS Quảng Nam	Giải 2		9,70	6,25	8,88	6,25	5,25	37,13	

Danh sách này có 2 thí sinh đủ điểm chuẩn.

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỂM CHUẨN

Danh sách được sắp xếp theo tổng điểm thi từ cao xuống thấp
(Kèm theo Công văn số: 1981/SGDDĐT-CNTT-KT-KĐ ngày 30/06/2021 của Sở GDĐT thành phố Đà Nẵng)



TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Nơi sinh	Học sinh trường	Đạt giải HSG lớp 9	Môn Đạt giải HSG	Điểm TB môn chuyên lớp 9	Điểm số các bài thi				Tổng cộng điểm thi (5)+(6)+(7) +(8) x 3	Ghi chú
									Ngữ văn Hệ số 1 (5)	Tiếng Anh Hệ số 1 (6)	Toán Hệ số 1 (7)	Tiếng Hệ số 3 (8)		
1	0928	DƯƠNG HOÀI NHÂN	19/12/2006	Quảng Nam	THCS Quảng Nam	Giải 2	Tiếng Anh	9,99	5,00	10,00	7,75	8,10	47,05	

Danh sách này có 1 thí sinh đủ điểm chuẩn.